

PHẬT-GIÁO HỘI  
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

# ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1<sup>er</sup> VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc  
 Chánh hội trưởng hội Phật-giáo  
 Quản-lý : Cung-đình-Bính

Chánh chủ-bút : Phan-chung-Thú  
 Sư cụ chùa Bằng-số  
 Phó chủ-bút : Dương-vân-Hiền  
 Sư cụ chùa Tế-Cát

**GIA BAO :** Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

## THỜI SỰ

Những sự quan trọng đã diễn ra trong thế giới mấy tuần đại lược như sau này

### ÂU CHÂU

Mặt chận Nga Đức, Đức và Đồng-minh như Phần-lan, Lô v.v đã đánh sang Nga, tới nay ròng rã hơn một tháng trời, có mấy chận rất lớn lao rất khủng khiếp là chận Smolensk, trận Ukaraine; hai bên đem ra một chận hàng vạn máy bay, vạn chiến xa, số quân đến chín mươi triệu, các nhà quân sự phải nói rằng chỉ trong một vài tuần lễ là phải kết liễu, không thể lấy người lấy đồ đầu mà nhồi vào cái lò sát sinh không-lũ ấy mãi được, đủ biết cuộc thăm sát ấy ghê gớm là nhường nào. Nay thời-gian đã trả lời, Đức đã thắng hai chận lớn ấy rồi và đương liền đánh vào Leningra và Moscou. Thông cáo của Đức nói từ trước đến nay Nga đã mất 14000 chiến xa. 14000 đại bác, 11000 máy bay. 1200000 binh sĩ bị bắt và thiệt tới 5000000 q.đ. Thông cáo Nga thì nói Đức bị thiệt 8000 chiến xa 10000 đại bác, 7200 máy bay và hai triệu quân bị chết. Ta chưa biết rõ con số nào là đúng, nhưng cứ xem thế cũng đủ biết những chận thăm sát ấy đáng ghê sợ đáng hằm xấu là nhường nào rồi. Hiện nay hai bên cũng vẫn đánh nhau dữ mà Đức vẫn liền.

Mặt chận Anh Đức, thì trong khi Đức bận đánh Nga không hoạt động sang Anh mấy mà Anh thì đem máy bay sang tàn phá Đức luôn luôn và nói Đức bị tàn hại rất lớn.

### Á CHÂU

Nhật vẫn cho máy bay sang đánh phá Vân-nam và Trung-khánh luôn luôn.

Tình hình Đông-dương tuy Anh Mỹ có phao nhiều tin bất lợi cho Đông-dương, nhưng sự thực thì Chính-phủ Đông-dương đã hợp tác chặt chẽ với Nhật để bảo toàn Đông-dương và Nhật đã chân trọng tuyên bố công nhận chủ quyền lãnh thổ của đế quốc Pháp ở Đông-dương; nên Đông-dương vẫn được yên ổn như thường.

# TỨ-ĐẾ

Phật pháp như rừng sâu bể lớn, song nó vẫn chỉ có một mùi là giải-thoát mà thôi. Tuy có chia ra nào là Đại-thừa, Tiểu-thừa, nào Hiền-giáo, Mật-giáo, nào Tịnh-niêu Túc-ông, nào Thiên, nào Tịnh, cùng là tám vạn bốn nghìn pháp-môn, hay vô-lượng pháp-môn chẳng nữa, tựu-chung cũng chỉ đến một mục-dịch là chuyển-mé khai-ngộ mà thôi.

Đức Thích-ca giảng sinh xuống cõi Sa-bà này hóa-dộ cho chúng sinh, khi ngài mới thành đạo, Ngài thuyết ngay pháp Tứ-đế độ cho bọn năm ông Kiều-trần-Như (Kaundinya) trong vườn Lộc-giã (Migadava) thuộc nước Bénarès (nay người Âu-châu gọi là Ville sainte de Bénarès). Đến khi ngài sắp nhập Niết-bà, Ngài lại nhắc đi nhắc lại về pháp Tứ-đế. Xen kẽ đủ biết đức Thích Ca Như-lai, một đấng thuyết-giáo, hoằng hóa chúng-sinh, trước sau đều chú trọng giảng về Tứ-đế, vì Tứ-đế là nguồn gốc của hai đấng, mé với ngộ, mé thì bị trong vòng Luân-đạo, ngộ thì được tam-thừa Thánh-quả. Pháp Tứ-đế lại là cội nguồn cho cả tám vạn bốn nghìn pháp môn tu, vì thế cho nên pháp Tứ-đế chẳng những riêng một Thanh văn thừa tu, mà cả ba thừa cùng noi theo cội giáo-lý của Tứ-đế nữa.

Những gì là Tứ-đế ? — 1.) Khô-đế ; 2.) Tập-đế ; 3.) Dệt-đế ; 4.) Đạo-đế. Để nghĩa là gì ? — Chân thực nên gọi là đế (vérité) không dè n dảo, không sai lầm nên gọi là đế. Như trong Du-giã-Sư-dĩ luận nói rằng : « Nói khô-đế thì thực là khô, nói Đạo-đế thì thực là Đạo, như thế thì thực là như thế, không có điên-dảo thì thực không phải là địa-đảo, vì vậy cho nên gọi là đế ».

Tứ-đế cũng gọi là Tứ Chân-đế hay Tứ Thánh-đế (les quatre saines vérités). Thánh (Sainte) nghĩa là người

thấy được chân-lý. Như trong Du-già luận nói rằng: « Chỉ có chư Thánh mới thấy được chư - đế, cùng với đế mà biết rõ thực, xét thấy thực, còn hết thấy kẻ ngu phu thì biết không thực, thấy không thực, cho nên mới nói đế là Thánh đế »,

### 1.) KHỔ-ĐẾ (cái chân-lý về sự khổ)

Khổ-đế là cái khổ báo sinh tử trong ba cõi sáu đường, như trong Đối-pháp luận nói rằng: « Thế nào là khổ-đế? — tức là sự sinh và chỗ sinh của giống hữu-linh nói cho rõ là chúng-sinh ở thế-gian và khí-hóa đất-đại ở thế-gian này là khổ. Khổ nghĩa là bị bức náo, khổ có nhiều thứ, nào nhị khổ; tam khổ; bát khổ. nói tóm lại tất cả có một trăm tám mươi thứ khổ.

Nhị khổ là hai thứ khổ, khổ trong thân và khổ ngoài thân. Khổ trong thân lại có hai thứ là thân khổ và tâm khổ. Thân có bốn trăm bốn mươi bệnh nên gọi là thân khổ. Bị lo sầu sợ hãi ngu si, ham muốn mà không được, nên gọi là tâm khổ.

Ngoại khổ cũng có hai thứ, một là bị vua quan ức hiếp, giặc giã, hổ báo hùm beo cùng các loài côn trùng làm hại, hai là bị gió mưa rét buốt, nắng nung nóng bức, như vậy gọi là ngoại khổ.

Tam khổ là ba thứ khổ, một là khổ khổ; thân tâm đã bị khổ rồi lại bị cái cảnh khổ nữa nên gọi là khổ khổ; hai là hoại-khổ, như trong khi đương vui vì sự phiền não khác, hay vì lẽ vô thường mà biến cái sướng kia ra cái khổ này, nghĩa là cái sướng kia sắp hoại thì cái khổ này theo sau nên gọi là hoại-khổ. Ba là hành-khổ, hành nghĩa là đời hết lớp này đến lớp kia, hết cái khổ này đến cái khổ khác, nó chồng chất lên nhau không bao giờ hết, không lúc nào ngơi, không một phút nào được yên ổn, nên gọi là hành khổ.

Bát khổ là tám thứ khổ. Một là sinh khổ, khi ta còn ở trong lòng mẹ, hay khi sinh ra phải chịu mọi sự bức bách khổ não, cùng sự già nua tuổi tác, tất bệnh ốm

dau, ái ân li biệt, vì vậy nên gọi là sinh-khở. Hai gọi là diệt-hoại khở, thịnh qua suy tới, tinh thần dần kém, nhân mệnh hao mòn, dần dần đi đến chỗ hoại diệt nên gọi là diệt-hoại khở. Ba là bệnh khở, bệnh khở cũng lại có hai thứ là thân bệnh và tâm bệnh. Tâm thường bị sâu khở hoại, tru-thiết bị ai nên gọi là tâm bệnh. Tứ đại không đều, bệnh tật ốm đau nên gọi là thân bệnh. Bốn là chết khở chết khở là bị nhân duyên bệnh tật hay vì thọ tận mà chết, hay là gặp ác duyên như thủy nạn, hỏa tai mà chết như vậy gọi là chết khở.

Năm là biệt-ly khở, vì do chỗ thường thân yêu nhau đến khi bị xa cách nhau thì lại sinh ra khở nên gọi là biệt-li khở. Sáu là oán-lãng hội-ngộ khở, kẻ oan muốn xa nhưng trái lại nó cứ gần mình nên gọi là oán-lãng hội ngộ khở. Bảy cầu mà không được là khở, tức là cái tâm muốn cầu sự vui sướng mà không được nên sinh lòng khở nã. Tám là ngũ-ấm thịnh khở, cũng gọi là ngũ thịnh-ấm nã. Sáu ấm thuộc về thân, thân đã chịu khở như sinh, lão, bệnh tử. Thọ, tướng, hành, thức thuộc về tâm; thân đã chịu khở rồi, tâm lại chịu khở nữa, nên gọi là ngũ-ấm thịnh khở. Lại vì thân tâm là nơi chứa chất sự khở nên lại gọi là ngũ thịnh-ấm khở nữa.

Cái quả báo trong tam-giới này đều là khở cả, không có cái tính an-lạc, cái lý đúng thực như thế nên gọi là khở-đế.

## II. — TẬP ĐẾ (cái chân-lý về nguyên-nhãn sinh ra sự khở)

Nghiệp thiện, ác, tham, sân, si cùng với mọi sự phiền não đều gọi là tập-đế cả. Tập nghĩa là tích góp, cái nghiệp phiền não gây nên cái khở sinh tử trong ba cõi sáu ngã nên gọi là tập. Như trong Đối-pháp-luận nói rằng: « Thế nào là tập-đế? — Các thứ phiền não sinh ra mọi nghiệp nên gọi là tập-đế »

Thế-giới nhân sinh này là bất tịnh, là khổ, là không, là vô-thường, vô-ngã, song giống hữu linh không có phép đê-quán cho biết cái thực tướng rõ rệt lại nhận lầm

tốt là xấu, nhận ác làm thiện, nhận vọng làm chân, tham lam, giận giữ, ngu si, khởi nên mọi thứ phiền não, gây nên mọi ác nghiệp, vì cái lòng tham sống sợ chết nên mới phải dấn chìm hết kiếp này sang kiếp khác, cái lòng ham muốn không bờ không bến, nên mới phải rước lấy sự sinh tử trong ba cõi sáu đường, cái lý đúng thực như vậy nên gọi là tạp-đế.

### III. — DIỆT-ĐẾ (cái chân lý để diệt sự khổ)

Dứt tugệt lòng ham muốn, không còn mằm mớng mảy may, không bị ngũ - dục lôi kéo, thất tình dằng - buột. Cái lòng khao khát làm cho người ta bị dấn chìm nơi sóng mê bề khổ, vậy muốn hết khổ, diệt khổ, tất nhiên phải diệt lòng khao khát, sự ham muốn và tình dục. Ham muốn, thích thọ dục, bắt người ta phải sống, vì sống thì bị khổ, vậy muốn diệt khổ phải dập tắt sự ham muốn, không còn đuổi theo sự khoái lạc ở trần-thế nữa.

Diệt-đế ấy là Niết-bàn vậy, diệt nghĩa là vô-vi, diệt cái nhân quả sinh tử, chứng cái chân-không tịch-diệt nên gọi là diệt-đế. Như trong Đối-pháp luận nói: « Trong cảnh chân-như, pháp hữu-lậu diệt ấy là diệt đế trường. Diệt-đế lại là cái chân-lý cứu-kính, là cái căn-bản của Phật-giáo, là con đường đi tới chỗ: an chót, cái lý đúng thực như vậy nên gọi là diệt-đế.

### IV. ĐẠO-ĐẾ (cái chân-lý về con đường để diệt sự khổ)

Đạo-đế là cái đạo tu hành, nhờ đó mà chứng được chính đạo Niết-bàn. Đạo nghĩa là năng-thông, Năng-thông đến Niết-bàn nên gọi là Đạo đế. Như trong Đối-pháp luận nói rằng: « Thế nào là Đạo-đế? — Do cái đạo ấy mà biết được nguồn gốc cái khổ, đoạn trừ được cái tạp-tu đạo chứng ngôi tịch diệt Niết-bàn, ấy là Đạo-đế trường ». Muốn chứng tới Đạo-đế hay cõi Niết-bàn thì đức Thích-ca Như-lai ban đầu quay bánh xe pháp nói Bát-chính-đạo, Bát-chính-đạo cũng gọi là Bát-thánh-đạo, Bát-thánh-đạo phận, Bát chi Thánh đạo, nghĩa là tám

con đường chính (Le Chemin Sacré à huit branches) đưa ta đến cõi Niết-bàn vậy. Những gì là Bát-chính-đạo? 1.) Chính-kiến (Foi pure) nghĩa là tỏ thấy sự thật không sai lầm; 2.) Chính-tư-đuy (volonté pure) nghĩa là sự suy nghĩ đúng chân-lý; 3.) Chính-ngữ (langage pur) nghĩa là lời nói chân-chính hợp với chân-lý; 4.) Chính-nghiệp (action pur) nghĩa là ba nghiệp thân, khẩu, ý đều được thanh-tịnh; 5.) Chính-mạt (moyens d'existence purs) nghĩa là chẳng mưu cầu những sự lợi dưỡng không được chân-chính mà hỗ trợ cho cái sắc thân vô-thường; 6.) Chính-tinh-tiến (application pure) nghĩa là lòng thường lúc nào cũng cố gắng mong sao cho đạt tới Niết-bàn. 7.) Chính-niệm (mémoire pure) nghĩa là thường ghi nhớ được đạo chính; 8.) Chính-định (méditation pure) nghĩa là đểm cái trí vô-lậu mà đạt tới cái lý thực-tướng, thân tâm được vắng lặng, chú tâm vào một cảnh không có tán loạn nên gọi là định.

Đức Thích-Ca Như-lai khi ngài sắp vào cõi Niết-bàn Ngài lại nói thêm về Tứ-Niệm-xứ. Tứ-Chính-căn, Tứ-như-ý-túc, Thất-bồ-đề-phận. Bảy lần ngài nói thành ba mươi bảy Bồ-đề-phận để đưa tới Đạo-đế, tức là cõi Niết-bàn vậy.

Nói tóm lại khổ là quả, tập là nhân, vì cái nhân phiền não tích góp lại mà thành ra cái quả khổ, ấy là nhân quả của thế-gian. Tu đạo là nhân, chứng được cõi chân không tịch-diệt là quả, ấy là nhân-quả của xuất-thế-gian. Tu theo Tứ-đế tức là biết được hai lẽ nhân và quả, tu theo ba mươi bảy phẩm trợ-đạo tức là cái nhân quả xuất-thế, sẽ chứng tới quả La-hán vào cõi Hữu-dư Niết-bàn ấy là cái quả xuất-thế vậy. Nói về Tiền-thừa thì tu Tứ-đế chỉ chứng tới La-hán là cùng, nhưng nói về Đại-thừa thì tu Tứ-đế chính là phép tu lên cõi Phật hoàn toàn vậy.

Pháp Tứ-đế siêu xa màu-nhiệm như vậy, lẽ nào ta lại không đề tâm nghiên-cứu cho tường tận hay sao? Ta muốn thấu rõ đạo pháp nhiệm-mầu của Như-lai, muốn

lên ngôi Chính-giác vào cõi Niết-bàn, không có <sup>l</sup> nào mà ta lại bỏ qua được phép từ-đế; một pháp nhiệm màu không những Phật-tử Thích-Ca mâu-ni nói mà cả Tam-thế chư Phật cũng đem pháp Từ-đế để giáo-hóa chúng-sinh.

Vậy hôm nay chúng tôi xin đố một nền tâm hương thanh-tịnh để cúng dàng thập-phương chư Phật cùng đức Bản-sư Thế-lón, nguyện cầu cho hết thảy mọi giống hữu-tình thấu rõ được pháp Từ-đế, thực hành được pháp Từ-đế, biết rõ được nguồn gốc sinh tử, mong có ngày phá tan được cái thành sâu bề khổ này, rồi đất diu cùng nhau sang bờ giác.

Nam mô Bản-sư Thích-ca Mâu-ni Phật.  
Viên-Quang

## PHẬT LUẬT HỌC

(Tiếp theo số 158)

Còn như giáo-pháp của ta nếu tu thì như thế này, chỉ chuyên giữ Giới-luật chân-chính, không nhuộm không đắm tí gì, bề trong khoan khoái vui mừng, bề ngoài đoạn tuyệt duyên vọng, mắt tuy đối sắc nhưng chẳng chấp chi; thì sắc ấy có làm gì được; vắng lặng vững bền, tham lo duồng bỏ, cũng chẳng để sót lại cho một mối ác, kháng kháng phàm-giới; sáu chạm khéo ngăn, sáu căn khéo giữ, tựa như ở cõi đồng bằng rong mệc cỗ xe ngựa kéo, nếu người cầm cương bọm giới biết lối thả co, thì xe sẽ thấy đi đều không bị chắt chường, ấy làm vị Tỷ-khieu tu-hành hãm ngựa sáu căn, cho được yên ổn khỏi sầy sự, cũng giống như vậy. Lại thường ra ở chỗ tĩnh, hoặc gốc cây, hang núi, đất giải



## Tôi tu Tịnh-độ

(Liếp theo số 158)

Điều thứ năm là nối vợ chồng, con cái ân-ái xâu xa, ngày ngày xum-họp với nhau, thú biết chừng nào, mà hốt nhiên vì kẻ sinh-nhai, phải lìa nhau đi, hoặc là bị đao-binh tai-va, hoặc là chết đi, phải cần rặng mà lìa rẽ nhau, đến như bạn bè thân-thích, hằng ngày họp mặt với nhau, thật là thú vị, thế mà gặp một sự gì mình phải từ đã họ, hay họ phải từ đã mình, không còn cách gì xum-họp với nhau được nữa, đến lúc bấy giờ cái nỗi khổ dùng-dăng khó dứt nhau ra, thật là đáng thương vô-hạn, cái nỗi khổ ấy gọi là ái-biệt-ly-khổ

Điều thứ sáu là một thân người khó lòng được ai ai cũng yêu mình, tử-tế với mình. Có một kẻ nào không thích ý mình, hay là kẻ thù - oán mình, mình chỉ mong mỗi không phải gặp nó mà cứ gặp nó luôn, tránh không tránh được, trốn không trốn được, gặp nhau thì tự đứng lại sinh ra các điều phiền-não, hay sinh ra mưu sâu kế hiểm để phá của cải của mình, để làm hại tính mệnh mình, cái nỗi khổ ấy gọi là oán-lãng-hội khổ 怨憎會苦.

Điều thứ bảy là muốn gì chẳng được như vậy.

Vì như muốn được một vật gì hay mong mỗi một sự gì, muốn đến một xứ nào hay muốn gặp một người yêu nào, đều không được thỏa ý. Lòng mình muốn thế mà nó không thế, biết bao nhiêu nỗi trái ý, chẳng cứ người nào, đều như thế cả, cái nỗi khổ ấy gọi là cầu-bất-đắc-khổ 求不得苦. Ấy bảy nỗi khổ ấy

(1) Ngũ uẩn là sắc thụ tướng hành thức.

Phàm cái gì có hình-tượng ta có thể trông được gọi là sắc. Thụ là cái dễ ta phải chịu các nỗi khổ hay các sự sướng. Tướng là mỗi nghĩ được hay hồng ở trong lòng. Hành là cái mỗi nghĩ ở trong tâm mình, cứ hết cõi nọ đi, lại cái kia tới không lúc nào ngừng. Thức là cái ý thức biết phân biệt các cảnh giới,

gọi là quả-khổ 果苦. Lại còn một nỗi khổ là cái nỗi khổ vì ngũ-uẩn (1) ( năm món ehe lấp chân-tính) nó hun nấu nòng - nản, gọi là nhân-khổ 因苦. Bấy cái quả - khổ, một cái nhân-khổ, cộng là tám cái khổ.

Những gì là ngũ-uẩn đây? Uẩn là nó chum kín mù mịt, chất chứa. Có năm thứ làm cho bản - tính ta mù mịt, khiến cho lòng ta mê - mê hoặc - hoặc, gây nên bao tội nghiệp, cho nên mới gọi là ngũ-uẩn. Nhân ngũ-uẩn ấy rồi cái lòng 貪 tham, 嗔 sân, 癡 si, nó mới bám chặt vào đầu mối ngũ-uẩn, y như lửa bén đồng củi nỏ, liền bốc cháy bùng - bùng ngay, nên mới gọi là ngũ-uẩn hun nấu nòng-nản. Hai chữ nòng-nản vốn là đề tả cái thể lửa dū-giới, và mượn hai chữ nòng-nản ấy để thí dụ cái mối ngũ-uẩn làm hại và những người bị mối ngũ-uẩn ấy nó làm mê hoặc dễ dàng như thể lửa bén củi nỏ vậy. Có một cái nỗi khổ ngũ-uẩn nòng-nản ấy mới sinh ra bấy nỗi khổ kể ở trên kia. Nhân vì ngũ-uẩn nòng-nản, vì như cái hạt giống khổ, là cái nguyên - nhân chịu các nỗi khổ, nên mới gọi là cái nhân-khổ. Mà bấy nỗi khổ kể ở trên kia vì như trái quả, lúc là cái kết quả của các nỗi khổ, cho nên gọi là quả-khổ. Vì có cái nhân-khổ của ngũ-uẩn hun - nấu nòng-nản, rồi tự-nhiên sinh ra bấy nỗi khổ kia. Chỉ vì cái người đang lúc bị ngũ-uẩn nó hun-nấu nòng-nản, mờ-mờ mịt-mịt, không biết là khổ đó thôi. Song ờ, người không biết khổ, nhưng đã có cái nhân-khổ ngũ-uẩn hun-nấu nòng-nản ấy, thì sau này tất phải chịu bấy nỗi khổ nọ, đó là vì cái lẽ báo-ứng nhân - quả nhất định không sai. Và lại, cái lúc sau này phải chịu bấy nỗi khổ kia, lại vẫn còn cái nhân - khổ ngũ-uẩn hun-nấu nòng-nản dất dầy mãi mãi, nên mới gây nên cái khổ hết đời nọ sang đời kia, không sao thoát ra được. Nói tóm lại, ở trên cõi đời này, thật là lắm nỗi khổ ải, mà những nỗi khổ này thì chẳng cứ giàu - sang, chẳng cứ nghèo-hèn, chẳng ai là không có, lại còn có các nỗi khổ khác, không ai giống ai. Người giàu sang

có cái khổ về giàu-sang, người nghèo - hèn có cái khổ về nghèo-hèn. Đây chẳng qua là kẻ qua đó thôi, chứ nói làm sao cho xiết được.

Trên kia tôi nói ngũ-uẩn: sắc, thụ, tưởng, hành, thức, coi ở ngoài thì thực là không, mà các anh em chị em cứ tưởng riêng trong lòng, thì thực là có. Sao lại bảo là không? Các anh em chị em nên hiểu rằng chúng ta đều bị cái màn vô-minh (1) nó làm mê mắt chân-tâm, cho nên mới có vô-số những tình cảnh giả-dối nó ở trong tâm nó chui ra, chúng ta cần phải tu đến cõi đại-bồ-tát thì cái màn vô-minh ấy nó mới dần-dần quang đi; bấy giờ mới biết các cái của mình trước đều là không thực cả. Đến khi cái màn vô minh nó đã hết sạch sành-sanh thì những cái cảnh giả ấy mới thật tiệt hết; bấy giờ mới thấu rõ cái đạo-lý chân-thực mà thành Phật. Những đạo-lý này thật là khó hiểu, nhưng mới học Phật tại cũng phải biết qua, rồi mới giúp dần được những lòng ác; tham, sân và si kia.

Nay tôi lại kể một sự làm chứng nữa: Như khi đêm ta ngủ, ai định năm mê làm gì, thế mà thường mê, có mình có người, có nhà cửa đồ - đạc, có khi mê được hưởng những sự rất vui thú; có khi phải chịu cái cảnh rất khổ-sở. Đến lúc tỉnh ra mới biết là mình mê; ngủ trên giường mà mê thấy mình đi chỗ khác, thì cái mình ấy là mình hay là ai? Là ở đâu mà ra? Những sự mơ thấy là thực hay hư? Các anh em chị em nên hiểu rằng đó là ta bị con ma ngủ nó làm mê mất tâm ta, cho nên mới hiện ra các cảnh hão-huyền thế, sự đó cũng như bọn phạm phu ta đây bị cái màn vô-minh nó làm mê mất chân-tâm, cho nên mới gây ra những sự giả ấy.

1. mê, h nghĩa là không minh bạch. Cái vô-minh ấy nó thật không có hình chất gì thế mà bị nó làm mê mất chân-tâm thì không sao thấy rõ cái đạo lý chân-thực nữa, nên mới gọi là vô-minh.

Những nông-nỗ ấy, nói cho thực thì chẳng cái gì là chân thiết cả. Nói đến cái chân-tâm của chúng ta nguyên cũng một thể như tâm của Phật, từ xưa tới nay, không sinh một cái nào khác, mà cũng không chết mất một cái nào nữa, không có biến động một chút nào.

Sở dĩ hiện ra các hình-tướng như bây giờ này, đều là vì cái màn vô-minh nó làm mờ mất chân-tâm, cho nên các cảnh hiện ra đều là giả hết, chứ chẳng có cái gì là thật cả. Nay ta đã hiểu các sự đều là không cả, thì thiên-vàn chớ có vì nó mà tùy ý gây nên các cái ác nghiệp nữa. Chúng ta phải hiểu rằng, cái màn vô-minh ấy nó tức là một cái nhân-quả báo-ứng, nếu mà gây ra cái nhân ác, sau này tất không trốn thoát cái quả-báo khổ kia, ví như một thửa ruộng, mùa xuân gieo hạt giống, mùa thu tất được gặt, ấy là cái lẽ nhất định. Gây ra nhân ác tất là bị cái báo-ứng khổ mà tu cái nhân Phật, thì sau này sẽ được cái quả thành Phật, vì thế mà tôi cần phải khuyên anh em chị em, mau mau gây cái nhân Phật, để mà kết lấy quả Phật. Ấy cũng là đạo-lý nhân-quả. Nếu ta thực tin lấy gây lấy cái nhân thiện, niệm Phật, sau này tự-nhiên được thành công, sinh sang cõi cực-lạc, rồi dần-dần tu nên cái quả Phật. Tôi nói như thế, chắc anh em chị em đều hiểu rõ cả rồi, nếu còn chưa hiểu thì nên nghĩ đi nghĩ lại cho kỹ, hai chữ nhân quả, tinh-thành tin chắc không còn ngờ - vực một mảy may nào, tâm-tâm niệm-niệm, lúc nào cũng niệm Phật, thì tương - lai tất được sang cõi Cực-lạc, nhất định không sai.

Người ta sinh ra ở đời, ai đã hiểu là mình sống được bao nhiêu. Cái sống bây giờ tám mươi tuổi, trong nghìn người đã được mấy người; còn số chết non thì có kẻ sinh ra chết ngay, có kẻ mấy ngày liền chết, có kẻ mấy tháng, có kẻ mấy năm, hay mười lăm, hai, ba, bốn, mười, tuổi đã chết thì rất là nhiều.

(còn nữa).

# Phật-học với sự thực-tế

(Tiếp theo số 158)

## Phật và những người xung quanh Ngài

Phật là vị sáng-lập ra đạo Phật, nhưng địa vị của ngài và tư-tưởng của ngài tập thành ra làm sao? Người ta thường cho rằng Đạo Phật hay Phật-pháp (Dharma) có một cái bản thể tuyệt-đối, vô thủy vô chung; lại có người nói rằng Phật đã ở thế-giới này, và không bao giờ ngài trở lại thế-giới này nữa; bao giờ Phật cũng vẫn vậy, và nếu ngài sinh ra ở Ấn-độ đó chỉ là tạm thời mà thôi. Một cái hình thức lý học như vậy của tư-tưởng khó lòng mà công nhận được, tôi cũng hiểu cái lý của một quan-niệm như vậy, nhưng thiết tưởng ta nên tránh xa mọi thuyết thần bí. Ngày nay chúng ta chuộng khoa học, một việc như vậy ta không thể công nhận được, và hơn nữa, nếu ta muốn hiểu Phật và tư-tưởng của ngài được một cách chắc chắn và một cách đối tượng thì ta không thể bỏ giữ lấy cái quan-niệm tôn-giáo này được. Vậy thì, đâu là địa vị đích xác của ngài.

Tóm lại, không bao giờ Phật nói pháp ở chỗ không người. Nếu ngài nhiệt-thành nói pháp, theo ý tôi, chính vì những người xung quanh ngài; chính cái thời đại và cái xã-hội mà ngài sống, đã làm cho ngài có những tư-tưởng và cái tôn chỉ ấy; nếu ta muốn biết thế nào là Phật, trước hết ta nên biết những người xung quanh ngài, và chỉ có một sự nghiên cứu như vậy mới có thể rạn tỏ được tư-tưởng của ngài. Thường thường người ta cứ tin rằng một cách sét đoán như vậy sẽ làm tiêu tán mất cái phẩm giá của Phật và của mọi tôn chỉ của ngài. kẻ nào tin mà không chịu suy xét, không tìm nguyên nhân của vạn vật, chỉ là những kẻ mơ màng nằm mùi diệu dàng của sự bí mật. Đại trí-luệ không chịu ở trong một thuyết thần bí như vậy. Đem Phật ra ánh sáng ban ngày mà phê bình sự sinh trưởng của ngài và sự tập thành tư-tưởng của ngài, không phải là tầm tiêu tán được cái công đức lớn lao của ngài, hay cái giá trị tôn quý của đạo Phật. Đạo Phật cao quý không phải

là một việc tùy ở cái cách mà nó đã sinh ra. Theo lời Phật, vạn vật là những vật đã làm ra; vậy thì chính quyền ở ta để phát huy ở những vật đã làm ra này, những vật đáng mong và tối lành, và như vậy không có gì là kỳ dị cả.

Không cần phải săn sóc đến sự lâu đời của nó, ta có thể nói dứt khoát rằng những kinh điển hay những lời Phật nói không hẳn cả là những tư tưởng của Phật. Trước hết ta phải biết đến người làm ra những kinh ấy. Không gì còn huyền-hoặc bằng những kinh-diễn nhà Phật (với sẽ cần nghĩ vấn đề này trong một chương sắp tới), và nếu ta xếp lại cho có thứ tự tất cả mọi kinh điển, không cần nghĩ tới thời kỳ của nó và nơi nó sinh ra thì ta sẽ phải đến nẫu lòng mắt. Thi dụ vì may mắn mà ta tìm thấy những kinh điển thật cổ, và khám phá được ở kinh điển ấy những tư-tưởng thật sắc đáng, thì ta có thể coi nó là hẳn cả của Phật được không? Kế nào làm ra kinh điển theo như lời mà họ được nghe Phật thuyết mặc dù thời gian và mọi sự cản trở có thể đi là hết và truyền dùng hết mọi lời nói của Phật không sai một mảy may nào không? Trước khi hết sức xuy xét, ta cũng không thể giải quyết được vấn đề này.

Việc mà ta có thể làm được là xét đoán xem sự hiểu và huyền nghĩa bởi những người làm kinh ra sao.

Hơn nữa, ta lại thí dụ rằng các kinh điển ấy đều sắc thực cả. Tự đâu và bằng cách nào nó đã đến tay ta? Trừ ra mấy người mộ-đạo quáng mắt, mà họ tự ý muốn không biết đến cái xã-hội và bao người xung quanh Phật hết như nó ở thời Phật, còn những người biết xuy nghĩ không bao giờ quên nghiên-cứu song đối Phật và cái linh thần của cái xã-hội mà ngài đã sinh trưởng. Phật là con của một người và cũng là con của một xã-hội; ngài trưởng thành một cách số định trong bầu không khí của thời đại của ngài, và bị ảnh hưởng của thời gian ấy. Ngài được cái linh thần ở thời đại của ngài và hiểu được cái xã-hội của ngài là thế nào, tức là biết được tư-tưởng của ngài đã soi thấu cho những

người cận-đạt ra sao. Về phương diện này, nếu ta so sánh cái tôn chỉ của Phật và cái tôn chỉ ngày nay, những cái đặc tính của tôn chỉ trước sẽ hiện hiện ra trước mắt. Thí dụ, nếu ta phân tách những tư tưởng của đạo Jainisme mà nó có ảnh hưởng cho mọi người hơn là Đạo-Phật, thì ta sẽ thấy ngay những tư tưởng tương tự của hai phái: nó gần giống nhau đến nỗi ta khó mà phân biệt rõ ràng hai môn tư-tưởng ấy được; lại nữa đại đa số những văn trong kinh điển của phái Jainisme cũng đều dùng một lối cùng giống với lối văn của nhà Phật. Sự giống nhau của hai vị đại-hiền, như nó đã diễn trong kinh, có lẽ là do ở cái tinh thần của thời đại, mà các ngài đã cùng chung đựng, hay có lẽ người nọ chép lẫn của người kia. Dù trong mọi phương diện, ta cũng có lý mà tin rằng hai phái tư tưởng này cùng đều hợp với thời đại ấy cả.

Không những chỉ có do ở phái Jainisme mà ta mới tiếp thụ được cái xu-hướng này, mà lại còn do ở cả những tư tưởng của sáu phái tư tưởng về thời Phật nữa. Thí dụ, ta biết rằng trong nền triết học Ấn độ về thời ấy, cái ảnh hưởng của thuyết samara rất rõ ràng; samara (luân hồi) nghĩa là cái vòng sinh tử vĩnh viễn giống như cái bánh xe quay tít mà người ta phải luân quần mãi ở trong. Đó là một thuyết số-định rất Ấn-độ, và cái nghiệp (Karma) là một trong những lòng tin thành của thời đại ấy: bấy giờ người ta ai cũng có cái nguyện vọng là được ra khỏi một luật số định như vậy. Cái tâm hồn của thời đại ấy đã cất nghĩa cho ta như sự cần dùng đức tính. Nếu bấy giờ người ta muốn được vào Niết-bàn (Nirvana) thì chớ nên theo lối phân tích như phương diện của ta ngày nay. Thí dụ, hạnh bố thí, sinh ra và bành trướng bởi thuyết luân-hồi, và phép tri-giới không phải là nguyên những sáng-kiến của Phật, nhưng nó chỉ là sự tin của xã-hội bấy giờ. Bác sĩ Uí rất có lý mà nói rằng Đạo Phật chỉ là một phần của nền triết-học ấn-độ nếu ta nhìn đạo Phật trong giới mệnh mông của nền triết học ấy. Nói trái thuyết này

cho rằng một xứ hướng như vậy sẽ làm hao tổn một cái hành-tích về vang của đạo Phật, thì không khoa-học một chút nào cả. Nếu ta quan sát đến lịch-sử của xã hội Ấn độ ta thấy rất nhiều phái tu hành cũng có những giới-luật gần giống như nhau; sự đi ăn sin của các nhà tu hành, cái áo ca sa đen, sự thuyên định của phái thiền-tôn; tất cả những thứ này không phải là chỉ để dành riêng cho Phật tử; khi hậu của Ấn-độ những điều kiện kinh-tế của xã hội ấy, những tình hình và sở thích cũng là những nguyên tắc khác, tóm lại đều vun vào sự lập thành của những phong tục như vậy. Cái công-dụng thuyên định chẳng hạn, lại có một ý nghĩa khác hẳn với mục đích thuyên-định của Trung-quốc hay của Nhật bản, ở hai xứ này người ta cho nó có một ý nghĩa rất Nhật pháp; ở Ấn-độ, lối thuyên định này có một sự ích lợi vệ-sinh, nhất là do ở khi-hậu, và ở cái khi giới thật cao. Tóm lại, tất cả những cái công dụng này và những tư-tưởng này không phải là những đặc-tính của đạo Phật, một cách cần thiết, nhưng nó có cái căn nguyên ngay ở cái khi hậu vật-chất và đức tính của Ấn-độ.

Phần nhiều những sự tích bản về xã hội Ấn-độ và những phái tôn-giáo về thời Phật và về thời trước Phật đều bị thất lạc cả, và hiện nay ta chỉ còn lại một vài đoạn thôi, Tình cờ những đoạn nào còn giữ được đến ngày nay đều coi như là riêng của Phật giáo. Nếu đạo Phật chỉ có nguyên ở Ấn-độ thôi, thì vấn đề này sẽ không phải bàn nữa, nhưng nó đã ra khỏi bờ cõi Ấn-độ và truyền sang Trung-quốc, sang Nhật-bản mà những xứ này không có những phong-tục giống như Ấn-độ, thì cái tôn chỉ nhà Phật, với cái quan-niệm đối với vũ-trụ của nó, đã thấy những tình cách chung với toàn cõi Ấn-độ, đều coi như là những đặc-tính của đạo Phật; sự này không có gì là lạ cả, vì mỗi khi những phần lợi ích của nền văn minh Ấn-độ, không phân biệt, đã truyền sang Trung-quốc hay Nhật-bản, thì đều ăn dưới cái tên



tha ma, chỗ có đồng rác, ngày đêm chăm bảm hành-đạo ; ban ngày đã đành, còn nói về phạn đêm, bắt đầu là buổi tối, hoặc ngồi hoặc đi lại, chuyên chú một lòng trừ mọi ấm-cái, lời quăng nửa đêm mới đi ngủ, trước hết đặt mình ghé hông bên phải, trong lòng trấn định mà đề ý sáng dậy, rồi cứ thế cho đến lúc thiếp đi ; một giấc cát-tường êm ả đã tiếp đáp sang thời-phạn hậu-giạ, tức là sáng sớm, liền trở dậy ngồi đi mà lại tư-duy như trước nói ; ngay rằng lúc nào tuy có vận-động, đi lại ra vào, trong ngoài đôi bên, duỗi co cúi ngửa, mặc vận ăn uống, làm lụng đứng ngồi, đi giải đi ngoài, khi ngủ khi thức, hết thấy những sự cử chỉ động tĩnh, nhưng đều không hề tán loạn được cái mối nhất tâm và uy-nghi cũng không xây nữa ; đêm giáo-pháp xét soi đề kim chế luôn luôn tâm-ý, trừ diệt mối tà chuyên lòng đạo-chính, tu các phẩm đạo đến chừng thì thôi, chỗ làm được kia, trong sạch lợi lớn ; ấy thế mới gọi là « hành-vi minh-chính tuyện-vời mà trọn đủ vậy ».

Cho đúng những người đã hết lòng vì việc đạo tu-hành, mà triệt bỏ sự nghiệp gia-đình ruộng vườn của cải, đi lánh tìm những nơi thanh nhàn phóng khoáng để đào luyện cho chóng tiến, thì sự tư-duỡng nuôi thân hằng ngày phải lấy thụ-thí làm nghề chính gốc ; sở dĩ phải làm như vậy, vì cốt đề cho dễ được chuyên-tâm về việc đạo, không bị trở ngại bởi sự lo lắng sinh-nhai, và là gây nhân trong-sạch, đoạn mối tham sân, dứt lòng kiêu-mạn, khiến được thành-tựu con đường giải-thoát vậy.

Người cõi thế-gian đã vì lòng tin tốt, tin rằng mình là một người giữ phạn tu hành cứu-nhân độ - thế, nên mới thành kính bỏ của cải đem dâng mình, đề mong nhờ

chút phúc lợi; vậy nếu đã cang đáng cái địa vị làm ruộng phúc cho người, đã đem miệng bụng ăn chịu những cái ấy vào thân, mà lại không lo tu tâm, trái lại chỉ làm nghề uế-nghiệp, cũng bắt chước tục-nhân tần-lão bôn-su đua đánh hám lợi. phỏng có khác gì một bãi đơm bọt ở trong miệng đã nhổ ra, rồi lại ngoái cổ lại mà liếm mứt, buồng tuồng dồng dờ thành thử phá hoại cả phép tịnh xuất-gia, sôi hồng hồng không, khiến người thí-chủ bị uổng chịu thiệt thòi những của đó!

Trong một mạch này chia ra ba đoạn, ở đoạn giữa vì Phật thấy các ngoại đạo tu-hành, có thứ chuyên làm như vậy nên Phật tỏ cho mà biết là những chỗ ấy hồng; còn về giáo-lý của đạo Phật, nếu đã minh chính tuyệt vời mà trái lại, thì tất nhiên không có những cách đó rồi, mà chỗ hành-vi sẽ hẳn phải như đã nói ở đoạn đầu và đoạn cuối cùng.

Đạo-pháp thì dạy rất là hay, nhưng phần nhiều tại người làm sai nên hóa hồng, giáo-lý mà mờ tỏ thấp cao đều phú thác ở tay người duy trì hay giữ, một người làm nhầm đánh nhòa cả đạo, ngay trong đạo Phật đây, người tu hành giả như mà còn thấy có ai hành động như vậy, thì cũng đủ biết là kẻ ấy đã làm trái làm càn, hoặc là những bọn thiền học ngu-mê, chưa đạt lẽ đạo cho nên mới đem làm điên-đảo sai đi, thế thì ai đã là người có con mắt tuệ, tuy trông thấy nên phải thế tất rằng: « y pháp bất y nhân » cốt căn cứ ở lẽ chính của giáo-pháp chứ không y theo người nhầm. Còn như về bốn-Phận người tu trong bốn - đạo, thì nếu ai hay có chứng tột gì, cúi xin phải liệu mà chừa rồi chiều Kinh-luật cho đúng mà làm.

Bỏ bớt, chớ để mãi thế thành mãi: tiếng lầy rồi đó mới lâu mong hoàn toàn thiện-mỹ cho thân cho đạo được!

Muốn cho được đúng như Kinh Luật dạy, thì phải có công sam-học nghiên-cứu, lưu tâm tìm xét những điều Phật đã răn bảo, thế nào là nghĩa khai, nghĩa gia, nghĩa trì, nghĩa phạm, phép sạch, chẳng sạch, phép vui không vui, lẽ gì hợp

đạo, sự gì tương vi. đem nghĩ ngợi so sánh, vẫn biện cho tinh, rồi cứ phỏng theo đó mà làm, sẽ không mấy khi chịu điều thất thối. Bởi thế nên sau kỳ rõ được minh-hành, lại tiến thêm lên một trùng khảo-hạch.

Một hôm Phật ở trong cái khu rừng tên gọi Diên-kỳ thuộc nước Ca-duy-la-vê, cùng các đệ-tử thuyết pháp ; có một vị sư bác gọi là bác Chu-na, hàng ngày hay đến chỗ các sư trên kê lễ những việc của các bọn thầy trò ngoại-đạo, họ đối với nhau nghe nhiều điều lời thối lảm. Biết Chu-na là người mới sơ tâm nhập-đạo, chưa nhiệm được Phật-luật mấy, tâm lực chưa vững, e sẽ có ngày bị lay động đi chăng, nên các sư liền dẫn ngay Chu-na cùng đến kiến Phật. Phật dạy :

Này Chu-na : cùng học một thầy, nên coi nhau hợp như nước sữa, hằng cùng hòa thuận chớ có sinh lòng kèn cựa cãi nhau ; ngộ thấy có người nào đến nói đạo-pháp, nghe đoạn chữ vợi cho ngứa là phải, mà cũng đừng bóp sộp bảo ngay là trái ; nên phải tìm tâm mà nghĩ ngợi đã, xét kỹ xem có đúng như nghĩa-lý trong ba Tạng giáo không ? Nếu đúng thì khen, cầm bằng mâu thuẫn, phải can và tìm đường chống chế. Hãy coi như một lẽ, như ta nay chế ra bốn sự cho các đệ-tử này đối hàng Tỷ-khiêu trong khi hành dùng đều nên lượng đủ ; một là y-phục : hoặc dùng thứ áo bỏ ngoài tha ma, hoặc của người nào cho, hoặc vái to xấu v. v., miễn là đủ che thân cho đỡ khỏi lộ hiện, và đỡ nóng lạnh, loại muối mòng cán rút đó thôi ; hai là ăn uống : dù đi khát-thực, dù đề mời đưa, cũng chỉ cốt trừ sự khô não đòi khát, quá nữa đến chết thì hết lối tu, vậy phải đi dưỡng tẩm thân qua ngày đoạn tháng, cho nên mới chớ ; ba là chỗ ở : chỉ ở chỗ vắng, đất giãi, gốc cây, trong buồng, lầu gác hay là hang núi

các chỗ, nếu đã ở được, cũng chỉ quý-hồ tránh con phong vũ, nóng rét sốt thân, cầm thú cắn hại, cho nên mới cho ; bốn là thuốc-thang : hoặc lấy vị lâu ngày, bã người vất bỏ cùng những thứ dầu sữa đường mật v.v. cũng chỉ mong sao được khỏi bệnh thì thôi, sợ dề quá sinh nguy thì thiệt đời hành đạo, cho nên mới cho cứ liệu mà dùng vậy. Phòng thấy có người nhằm tướng nói rằng : các ông Sa-môn con họ Thích chỉ ham các sự vui sướng ; thì nên đáp lại rằng : không phải thế ; và cắt nghĩa rõ cho người ấy nghe : có thứ thiên-hạ cho là vui sướng nhưng Phật quở trách, có thứ vui sướng Phật lại rất khen ; như năm món dục lạc, người đời thường ham đắm, nhưng Phật lại quở trách ; nói rõ ra, như người hằng ngày sát sinh, lấy thể làm vui, hoặc cờ người tính hay trộm cắp, hay giai gái, hay nói càn, cũng thấy đều tự lấy làm vui, lại có thứ người hay buông tuồng đồng dõ, hay lối khờ-hạnh hão-huyền, cũng tự cho là một cách vui, song mà trái lại Phật hết không công-nhận ; năm món dục lạc người cho là sướng, Sa-môn con họ Thích không sướng như thế, người sát-sinh ăn cho đó là sướng, Sa môn, con họ Thích không sướng như thế, người sánh trộm cướp cho đó là sướng, Sa-môn con họ Thích không sướng như thế, người chơi giai gái cho đó là sướng, Sa-môn con họ Thích không sướng như thế, người thích nói càn cho đó là sướng, Sa-môn con họ Thích không sướng như thế.

(còn nữa)

**TRI-QUANG**

« đạo Phật » cả. Vì thế ở Nhật-bản người ta cho rằng « đạo Phật là chữ cùng nghĩa với chữ ấn-độ. Do việc này đã sinh ra một vài nhà thần bí học Tây thì muốn hiểu đạo Phật trước hết ta nên xét đến cái gì nó không Phật giáo đã. Cái « một » không bao giờ có cái nghĩa so sánh được; nó không phải là mẹ của sự hiểu. Trước hết ta nên nghiên cứu những nguyên-tắc ngoài Phật-giáo để thấu triết lấy điều cốt yếu của đạo Phật. Nói tóm lại, ta cần phải nghiên-cứu điều mà nó lộn nghĩa và bao bọc đạo Phật.

Đến đây hẳn chư độc giả phải phản đối và bảo tôi rằng: « Như vậy chúng tôi không thể tôn trọng cái giá trị của nền triết-học của Phật được. Ngài bảo với chúng tôi rằng nền triết học của Phật đã sinh ra, chỉ do ở những phần phụ thuộc của cái xã-hội mà Phật đã sống thôi. Chúng tôi muốn rằng Phật sẽ là bá chủ của xã hội; chính Phật đã diu dắt xã-hội. Bằng cách nào mà người ta có thể tưởng tượng được rằng xã-hội đã định đoạt được những tư tưởng của Phật? » Tôi thấy câu hỏi này cũng có lý lắm; nhưng đó vẫn có một điều lầm, một điều lầm mà đạo Phật phải kết án. Ảnh hưởng bao giờ cũng có đi có lại, chứ không bao giờ nó ở về một bên thôi; người ta làm ảnh-hưởng cho xã-hội bao nhiêu thì người ta lại bị ảnh hưởng bởi xã-hội bấy nhiêu. Như Phật đã nói nhiều lần, lúc nào vạn vật cũng biến hóa, cá-nhân và xã-hội lúc nào cũng có một chiếc thoi ảnh hưởng nó đi từ cái nọ đến cái kia và trái lại, nó mặt thiết và hệ trọng nối liền cái nhân và cái quả.

Vậy thì, tóm lại ta có thể phán đoán được rằng Phật là con của thời đại và ngài đã bị ảnh hưởng bởi xã-hội, mà có khi vì tự ý hay không tự ý ngài lại làm ảnh hưởng cho xã-hội.

(còn nữa)

Nghiêm-văn-Hợp

# Trích-lục Biên-bản Đại-hội-đồng

## THƯỜNG NIÊN HỘI PHẬT-GIÁO BẮC-KỲ

(Họp ngày 25 Mai 1941)

Ngày 30 tháng 4 năm Tân-Ti, tức là chủ nhật 25-5-41, Hội Phật-Giáo Bắc-kỳ đã họp Đại-hội-đồng thường niên tại Hội-quán Trung-ương (chùa Quán-sứ, số 73 Phố Richaud Hanoi).

Tôi dự hội đồng có các cụ: Nguyễn-văn-Ngọc, Lê-Dư, Bùi-Kỷ, Lê-Loại, Trần-vân-Giáp, Nguyễn-quang-Oánh, Trần-trọng-Kim, Dương-bá-Trạc, Nguyễn-hữu-Lộc, Nguyễn-Nhún, Tô-lan-Khoa, Nguyễn-đình-Quế, Vũ-như-Chương, Phạm-huy-Lục, Nguyễn-bá-Thảo, Nguyễn-vân-Minh, Nguyễn-hữu-Kha, Đỗ-mộng-Tùng, Nguyễn-duy-Tinh, Đoàn-văn-Chuyên, Văn-Trác, Nguyễn-đăng-Tụy, Nhân-vân Đĩnh, Bùi-mạnh-Triển, Hoàng-trọng-Cách,

Bên Tăng có các vị: Hòa-Thượng Bằng-Sở (Hàdong) Hòa-thượng Phúc-Chính (Ninh-binh), Hòa-thượng Tế-Cát (Hà-nam) Sư cụ Tổ-Liên (Côn-sơn Haidương), Sư cụ Thái-hòa (Tứ yêc, Hà-nam), Sư cụ Tri-Hải (Hanoi), Sư cụ Tuệ-Chiếu (Hanoi), Sư cụ Lã (Bắc-ninh), Sư cụ Thọ-Câu (Hàdong), Sư cụ Tâm-Bàng (Hưng-yên), Sư cụ Tâm-Lĩnh (Hưng-yên), Sư cụ Tâm-Bác (Hưng-yên), Thanh-Hoán (Nam-định), Sư cụ Trần-thông-Thỉnh (Hàdong) Sư cụ Tâm-Tấn, (Kiến-an). Sư cụ Thanh-hậu (hanoi).

Đại-biểu chi hội địa-phương có các vị:

S. E. Nguyễn-văn-Bản,	Đại-biểu chi hội Phật-giáo Sơn tây.
M. M. Louis Phán,	-id- Dưỡng-chính Nam định.
— Phan văn-Phúc	-id- Thụy-anh Thái bình
— Hoàng văn-Hạnh,	-id- Tế-xuyên Hà nam
— Đoàn-trần-Đóa,	-id- My-sơn Kiến-an.
— Vũ-hữu-Bật,	-id- Vĩnh-ninh Hàdong
— Đỗ-đăng-Tiêm,	-id- Khoái-châu Hưng-yên
— Trần-viết-Nhã,	-id- Đồng-đắc Ninh bình
— Hạ-thượng-Trung,	-id- Bách-lộc Sơn tây
— Nguyễn-tiến-Hựu,	-id- Hạ-định-nhi-vạn Hàdong
— Trương-ngọc-Minh,	-id- Thanh-an Hà nam
— Đỗ-hàm-Hạnh,	-id- Văn-lâm Hưng-yên
— Lâm-mạnh-Trữ,	-id- Kiến-trung Nam định

— Tô-văn-Lượng	id-	Haiphong
— Nguyễn-hữu-Quỷ	-id-	Bảo-lộc Sơn-tây
M.M. Nguyễn-văn-Plặng,	đại diện cho chi hội Plú thọ.	
Hạ-duy-Sĩ và Nguyễn-gia-Sử,	-id-	Cung-thuận Sơn tây
Nguyễn-duy-Kiểm	-id-	Yên-mỹ Hưng yên
Nguyễn-xuân-Bách,	-id-	Cổ lễ Nam định
Vũ-duy-Thiện,	-id-	Thượng-phúc N. m. định
Uông-phác và Nguyễn-văn-Học	-id-	Thường-tín hadông
Phan-khắc-hàm, Nguyễn-văn-Khoan,		Phương-dê Namđịnh
Nguyễn-văn-hồng,	-id	haidương
Vũ-hữu-Lương, Nguyễn-Tổng	-id-	Phúc lâm-tự Namđịnh
Hoàng-phương-Rực và Vũ-duy-Lưu		Kiến-thụy Kiến-an
Nguyễn-văn-Phụ	-id-	Kim thành Haidương
Nguyễn-khắc-Minh	-id-	Hanam
Nguyễn-xuân-Triệu và Nguyễn-dinh-Lâm		Namđịnh

Cùng một số đồng nam, nữ hội-viên ở Hanoi và các tỉnh tới dự Đại-hội-đồng.

Đúng 3 giờ chiều, sau khi các hội viên đã an tọa, Cụ Phó hội-trưởng Nguyễn-văn-Ngọc có tỏ lời cảm ơn các vị Đại-dức, các Ngài Đại-biểu chi hội địa-phương cùng các giáo-hữu đã về dự Đại-hội-đồng thương niên được đông vui, rồi Cụ đọc bức thư của Cụ Chánh hội-trưởng ở Thái-ninh (Thái-binh) viết cho Cụ đề Đại-hội-đồng nghe. Đại khái trong thư Cụ Chánh hội-trưởng xin kiểu không lên chủ-tọa Đại-hội-đồng năm nay được, và xin trông cậy ở Cụ Phó hội-trưởng và toàn ban Trị-sự cùng các cụ Cố vấn đạo sư.

Xong, Cụ Phó hội-trưởng Nguyễn văn Ngọc khai Đại-hội-đồng Cụ Đồ-mộng-Tùng làm thư-ký.

Cụ Phó-hội-trưởng trình bày các công việc tiêu hành của hội trong năm vừa qua

## 1. CÁC CÔNG VIỆC TẠI TRUNG-ƯƠNG

Cụ Phó hội-trưởng nói ; ngoài ban Trị-sự-hội Phật-giáo ta còn có những tiêu ban đề giúp các công việc hội như ;

- 1.) Ban Khảo-cứu và Diễn-giảng.
- 2.) Ban Tuyên học bảo trợ và ban Tăng giá học giới bảo trợ.
- 3.) Ban phát hành báo Đuốc-Tuệ.
- 4.) Ban trông nom nhà in Đuốc-tuệ.
- 5.) Ban Thường trụ hội-quán.
- 6.) Ban hộ đạo hoa-nghiêm.
- 7.) Ban hộ-niệm,

## 2. VIỆC BẢO ĐUỐC-TUỆ

Trong năm vừa qua thu được 1443.42, chi hết 1356.66, các độc giả còn nợ lại nhà báo là 1206.59, nhà báo còn nợ nhà in 1050.00. Nếu độc-giả, giả sòng phẳng thì có thể lãi được 243.14.

## 3. VIỆC NHÀ IN ĐUỐC-TUỆ

Ngoài số lãi dự trữ được 1445.59, nhà in còn sắm thêm được một cái máy in, mua thêm được hơn một trăm căn chữ, ấn tổng được nhiều kinh sách Đại-thừa

## 4. VIỆC HỌC CỦA CHƯ TĂNG

Hiện nay hội lập được 4 trường tăng-học là :

Trường Đại-học ở chùa Sở (Thái-hà ấp hadong).

Trường Trung-học thì thiết lập ngay ở hội-quán.

Trường Tiểu-học Cao-phong (Phúc yên).

Trường Tiểu học Côn-sơn (haidương).

Số lưu học sinh ở 4 trường hiện có 69 vị.

## 5. VỀ CÔNG VIỆC CỦA CÁC CHI HỘI

### ĐỊA PHƯƠNG

Cụ Phó hội trưởng nói : hiện nay hội có ngót 80 chi hội ở khắp các tỉnh trong xứ Bắc-kỳ, số hội viên tính đến ngày nay được 35112 vị, và trong năm nay hội lại đặt thêm 3 chi hội nữa là :

Chi hội Thịnh-mai (thuộc huyện Thanh tri Hadong).

Chi hội Phục-lệ (thuộc Phủ Thủy nguyên Kiến an).

Chi hội Thượng-phúc (thuộc phủ Xuân trường Nam định).

Công việc tiến hành của các chi hội địa-phương thì cũng



có vài nơi đáng kể như : chi hội Phúc-chỉnh (Ninh bình), Hải phòng, Mỹ hào (Hưng yên), Tề xuyên (Hà nam), Nam sách Hải dương), Kiến thủy (Kiến an), Bắc-ninh, Bảo lộc (Sơn tây), đã làm được giảng đường, tò tượng, đúc chuông, mở trường ni học, lập nghĩa trang vân vân... Còn các chi hội khác thì nững việc giảng diễn hàng tháng vẫn được như thường.

Nổi lời Cụ Phó hội trưởng Cụ Thủ-quí Lê-Toại trình về việc thu chi của hội theo như tờ trình của cụ Thủ-quí thì :

Tiền thu từ Janvier đến Décembre 194	được là...	1.734.03.
Tiền thu từ Janvier đến Mars 1941	được là . . . . .	475.50.
Tiền còn lại trong quỹ về năm 1939	là . . . . .	538.71
Cộng số thu là		2 748 24

tiền chi từ janvier đến Décembre 1940	hết	1.497.85
tiền chi từ janvier đến Mars 1941	hết	416.36
Cộng số chi là . . . . .		1 914.21

Hiện còn trong quỹ tính đến ngày 30-3-41 là . . . . . 834.03

Tiếp đến Cụ Trưởng-ban Kiểm quỹ Nguyễn đình Quế đọc tờ trình về việc xét sổ sách và quỹ hội Theo tờ trình của ban này thì sự chi thu đúng như tờ trình của cụ Thủ-quí Lê-toại vừa đọc để Đại hội đồng nghe, nghĩa là quỹ hội hiện còn được tám trăm ba mươi tư đồng, ba xu (834.03).

## 6. TỜ TRÌNH CỦA BAN CÔNG TÁC

Sự cụ Tuệ-chiếu thay mặt ban Công-tác đứng lên trình bày sự thu chi về việc làm chùa Hội-quán Trung-ương như sau này:

Chi từ ngày 20-7-37 đến 30-4-41	hết . . . . .	33.836.54
Thu từ ngày 31-8-38 đến 30-4-41	được . . . . .	32.039.90
Tức là số chi trội hơn số thu . . . . .		1.796.64

## 6. CÁC VIỆC LINH TINH

A) *Việc bầu vị Phó hội trưởng và Chánh thư ký.* —  
Cụ Phó-hội-trưởng Nguyễn văn Ngọc trình Đại-hội đồng biết cụ Trần-văn Đại là Phó hội trưởng thứ nhì, và cụ Trần văn Giáp là Chánh thư ký ban Trị-sự Trung-ương có giấy xin từ chức. Vậy xin Đại hội đồng bầu cho hai vị khác, toàn ban xin lưu hai Cụ lại để giúp việc hội.

Cụ Trần trọng Kim xin Đại hội đồng ủy cho ban Trị-sự Trung

ương viết thư báo cho hai Cụ ấy biết, nếu hai cụ nhất định từ chối thì cũng xin tùy ban Trị sự lựa chọn lấy người thay. Đại hội đồng tán thành ý kiến của cụ Trần trọng Kim.

B) *Việc sửa đổi điều lệ.* — Cụ Phó hội trưởng trình Đại hội đồng về khoản thứ 2 trong điều lệ hiện hành của hội, không thấy nói đến việc từ-thiện. Vậy xin Đại hội đồng cho sửa đổi đề công việc hội tiến hành cho được dễ dàng.

Cụ Phạm huy Lục nói : việc sửa đổi điều lệ hiện nay rất khó khăn.

Cụ Dương bá Trạc cho việc sửa đổi điều lệ của hội ta là xin sửa đổi từng khoản một, chứ không phải là sửa đổi-cả, vì tưởng việc ấy cũng không khó khăn gì. Nay chỉ xin thêm vào trong khoản thứ 2 *Mục đích của hội* một điều nữa là tùy tài lực của hội mà làm các việc từ thiện. Kết quả Đại hội đồng đồng thanh xin cho thêm điều ấy vào khoản thứ 2 trong điều lệ hội, và giao cho ban Trị sự Trung ương thảo thư xin phép quan Thống sứ về việc sửa đổi ấy.

C) *Việc cử chư Tăng đi trụ trì các nơi.* — Chi hội Phật giáo Phú-thọ xin hội cử cho một vị sư có học hạnh lên trụ trì chùa hội-quán chi hội Phú thọ.

Cụ Phó hội trưởng nói: hiện nay việc học của chư Tăng còn ở vào thời kỳ phôi-thai, nên hội chưa có thể cử chư tăng đi trụ trì các chùa riêng được, nhưng việc này hội cũng xin giao sang ban Thuyền học xét định.

D) *Việc dời tờ Đuốc-tuệ ra tờ báo hàng ngày.* — Cụ Tô văn Lượng Đại biểu chi hội Phật-giáo haiphong, xin dời tờ Đuốc tuệ của Hội ra làm báo hàng ngày để cho được rộng đường nghị luận.

Cụ Phó hội trưởng và cụ Trần trọng Kim nói: cũng là một việc hay, nhưng hiện giờ thì hội chưa có thể làm ngay được, cần phải nghiên cứu cho chu đáo rồi mới ấn định được.

Đến 5 giờ chiều, không còn việc gì nữa, Đại-hội-dồng giải tán.

Duyệt ý:

Thư ký:

Phó hội trưởng

Đỗ mộng Tùng

Nguyễn-văn-Ngọc

## Cùng các Nhà-văn trong nước

Ngôi chùa Hội-quán Trung-ương Hội Phật-giáo Bắc-kỳ nay mai sắp hoàn thành, vậy xin các Ngài vì Phật-pháp mà phát tâm nghĩ đùm cho chữ đề Bản Hội khắc vào câu đối và hoành-phi thờ tại chùa Hội-quán Trung-ương.

Các câu đối và hoành-phi sẽ treo thờ những nơi sau này:

### Trên chính điện

- |                   |                    |
|-------------------|--------------------|
| 1. Tượng Tam-thế, | 3. Tượng Thích-ca. |
| 2. — Di-Đà        | 4. Nhang án nội.   |

Bốn nơi này, mỗi nơi một bức hoành-phi và một đôi câu đối. (Hoành-phi thì 3 hoặc 4 chữ, câu đối thì từ 21 đến 25 chữ).

- |                    |                   |
|--------------------|-------------------|
| 5. Tượng Long-thần | 7. Tượng Quan-âm. |
| 6. — Át-nan,       | 8. — Địa-Tạng.    |

Bốn nơi này, mỗi nơi một bức hoành phi và một đôi câu đối. (Hoành-phi thì 3 hoặc 4 chữ, câu đối từ 9 đến 15 chữ.

9. Tượng Hộ-pháp, một đôi câu đối từ 9 đến 15 chữ.
10. Giảng-đường, một bức hoành-phi 3 hoặc 4 chữ, và một đôi câu đối từ 21 đến 25 chữ.
11. Hiên chùa, câu đối từ 7 đến 9 chữ.
12. Tam quan và gác chuông một đôi câu đối từ 9 đến 15 chữ.
13. Nhà thờ Tổ, một bức hoành-phi 3 hoặc 4 chữ, và một đôi câu đối từ 15 đến 19 chữ
14. Nơi thờ hội-viên quá-cổ, một đôi câu đối từ 7 đến 9 chữ.
15. Nhà thờ Hậu, ba bức hoành-phi có 3 hoặc 4 chữ và một đôi câu đối từ 7 đến 11 chữ.

Các ngài cho chữ vào hoành-phi hoặc câu đối thì xin đề gửi cho Cụ Chánh-hội-Trưởng Hội Phật-giáo Bắc-kỳ. (chùa Quán-sứ) 73 phố Richaud Hanoi.

Hội Phật Giáo Bắc Kỳ

**CHƯƠNG TRÌNH**  
**NGÀY LỄ XÁ TỘI VONG NHÂN**  
**Rằm tháng bảy ta (6-9-41)**

**Ngày 13 (4-9-41)**

**BUỔI SÁNG :**

- 9 giờ Tiếp linh.
- 10 — Cúng Phật
- 11 — Triệt linh chúc thực.

**BUỔI CHIỀU :**

- 3 giờ khai Tam thiên.
- 6 — Xám nguyện.
- 8 — Giảng kinh.
- 9 — Ban Hộ-niệm làm lễ tụng Tứ-thập bát-nguyên bằng quốc văn.

**Ngày 14 (5-9-41)**

Suốt ngày lễ Tam thiên

- 11 giờ chúc thực.
- 6 giờ Xám-nguyện.
- 8 giờ Giảng kinh.

**Ngày 15 (6-9-41)**

**BUỔI SÁNG :**

- 7 giờ Tụng giới.
- 9 — Cúng nhị thánh.
- 10 — Tuyên sớ.
- 11 — Chúc thực.
- 12 — Ban Hộ-niệm lễ cầu siêu độ các gia tiên và các hội viên quá cố tụng kinh Thập-án. ( Xong rồi thụ trai )

**BUỔI CHIỀU :**

- 2 giờ 30 Cúng đàn móng sơn tụng Địa-lạng hồi-hương. Trước khi làm lễ chư Tăng cùng các hội viên lễ tự đàn ngoài làm lễ chiêu hồn các trận vong tướng sĩ.
- 6 — Nhiêu Phật.
- 8 — Giảng kinh, phát kinh.

Vậy kính mời các giáo-hữu trong ba ngày ấy tới dự lễ cho được thêm phần long trọng.

**Hội Phật-giáo Bắc-kỳ Kính mời**